

Số: 07 /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2026

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 03.13.2026

THÔNG TƯ

**Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố
Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản
lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Xây dựng;*

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

*Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển,
khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long và khu vực
quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.*

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Cần Thơ

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Cần Thơ tính theo mực
nước thủy triều lớn nhất có ranh giới như sau:

1. Ranh giới về phía biển với phạm vi:

a) Ranh giới trên biển phía Đông Nam: được giới hạn bởi các đoạn thẳng
nối lần lượt các điểm ĐA1, ĐA2, ĐA3 kéo dài đến ranh giới trên biển giữa
thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long. Tọa độ các điểm như sau:

ĐA1: 09°21'57,7"N, 106°10'23,9"E;

ĐA2: 09°10'14,0"N, 106°21'55,0"E;

ĐA3: 09°16'39,0"N, 106°30'08,0"E.

b) Ranh giới trên biển phía Bắc: là đường ranh giới trên biển giữa thành
phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long.

2. Ranh giới về phía đất liền với phạm vi:

a) Ranh giới bờ hữu ngạn: từ điểm ĐA1 chạy dọc theo đường bờ biển, dọc theo bờ hữu ngạn sông Trần Đề, sông Hậu đến ranh giới giữa thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang.

b) Ranh giới bờ tả ngạn: từ điểm ĐA6 dọc theo biên phải luồng hàng hải Định An - Sông Hậu đến ranh giới trên sông Hậu giữa thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh An Giang, nối lần lượt các điểm từ MT1, MT2, MT3, MT4. Tọa độ các điểm như sau:

ĐA6: $09^{\circ}34'56,2''\text{N}$, $106^{\circ}18'19,2''\text{E}$;

MT1: $10^{\circ}19'32,0''\text{N}$, $105^{\circ}29'23,0''\text{E}$;

MT2: $10^{\circ}19'35,0''\text{N}$, $105^{\circ}29'37,0''\text{E}$;

MT3: $10^{\circ}20'08,0''\text{N}$, $105^{\circ}29'09,0''\text{E}$;

MT4: $10^{\circ}20'19,0''\text{N}$, $105^{\circ}29'19,0''\text{E}$.

c) Đối với các cù lao trên sông Hậu, ranh giới vùng nước được xác định tại mực nước thủy triều lớn nhất.

d) Ranh giới tại các cửa nhánh sông, cửa rạch, cửa kênh được xác định bằng đoạn thẳng nối hai điểm bờ nhô xa nhất tại cửa tương ứng.

3. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Cần Thơ quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam phát hành, bao gồm: VN4TĐ001, VN4TĐ002, VN4TĐ003, VN4TĐ004, VN4TĐ005, VN300026, VN300027, VN4QCB01, VN4QCB02, VN4QCB03, VN4QCB04, VN4QCB05; VN3ĐA001, VN4HG001, VN4HG002, VN4HG003, VN4HG004, VN4HG005, VN4HG006, VN4HG007, VN4HG008, VN4HG009, VN4HG010, VN4HG011, VN4HG012, VN4HG013 được cập nhật mới nhất năm 2025. Tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Long

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Long tính theo mực nước thủy triều lớn nhất bao gồm các khu vực sau:

1. Khu vực Duyên hải với phạm vi:

a) Ranh giới trên biển về phía Đông Nam: là ranh giới trên biển giữa tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ.

b) Ranh giới trên biển về phía Đông Bắc: nằm trên đường thẳng nối hai điểm ĐA2, ĐA3 đến ĐA4, ĐA5. Tọa độ các điểm như sau:

ĐA4: $09^{\circ}26'55,8''N$, $106^{\circ}44'14,6''E$;

ĐA5: $09^{\circ}41'25,0''N$, $106^{\circ}34'41,6''E$.

c) Ranh giới về phía đất liền:

Ranh giới bờ hữu ngạn: theo đường bờ biển địa phận tỉnh Vĩnh Long, bờ hữu ngạn kênh Quan Chánh Bô đến ngã ba kênh Quan Chánh Bô và sông Hậu.

Ranh giới bờ tả ngạn: từ điểm ĐA5 chạy dọc theo đường bờ biển, bờ tả ngạn kênh Quan Chánh Bô đến ngã ba kênh Quan Chánh Bô và sông Hậu.

2. Khu vực sông Hậu tỉnh Vĩnh Long với phạm vi:

Nằm giữa biên phải luồng Định An - Sông Hậu và bờ tả ngạn sông Hậu, từ cửa Định An đến ranh giới trên sông giữa tỉnh Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ và tỉnh Đồng Tháp.

3. Khu vực sông Tiền với phạm vi:

Được giới hạn từ điểm TG4 nối đến điểm TG5, chạy dọc theo biên trái luồng sông Tiền về phía thượng lưu đến điểm TG6, tiếp tục nối lần lượt đến các điểm TG7 và CP, từ điểm CP chạy dọc theo bờ sông Tiền về phía hạ lưu đến điểm GH, tiếp tục nối lần lượt đến các điểm TH1, TH2 và TG4 có tọa độ như sau:

TG4: $10^{\circ}18'18,0''N$, $106^{\circ}28'46,0''E$;

TG5: $10^{\circ}18'24,0''N$, $106^{\circ}28'45,0''E$;

TG6: $10^{\circ}20'40,0''N$, $106^{\circ}21'53,0''E$;

TG7: $10^{\circ}20'32,0''N$, $106^{\circ}21'51,0''E$;

CP: $10^{\circ}19'58,0''N$, $106^{\circ}21'51,0''E$;

GH: $10^{\circ}17'51,0''N$, $106^{\circ}26'45,0''E$;

TH1: $10^{\circ}18'16,0''N$, $106^{\circ}27'23,0''E$;

TH2: $10^{\circ}18'14,0''N$, $106^{\circ}28'29,0''E$.

4. Khu vực sông Hàm Luông với phạm vi:

a) Khu vực neo đậu và chuyển tải Hàm Luông.

Được giới hạn bởi các đường tròn có đường kính 350 mét, với tâm tại các điểm HL1, HL2, HL3 có tọa độ như sau:



HL1: $10^{\circ}12'55,0''\text{N}$, $106^{\circ}21'03,0''\text{E}$;

HL2: $10^{\circ}12'46,0''\text{N}$, $106^{\circ}21'11,0''\text{E}$;

HL3: $10^{\circ}12'36,0''\text{N}$, $106^{\circ}21'20,0''\text{E}$.

b) Khu vực Khu công nghiệp An Hiệp.

Được giới hạn bởi đường bờ từ điểm AH1 chạy dọc theo bờ sông Hàm Luông về phía hạ lưu đến điểm AH2 và các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm AH2, AH3, AH4, AH5, AH1 có tọa độ như sau:

AH1: $10^{\circ}16'03,2''\text{N}$, $106^{\circ}16'36,2''\text{E}$;

AH2: $10^{\circ}16'04,2''\text{N}$, $106^{\circ}16'36,2''\text{E}$;

AH3: $10^{\circ}15'47,3''\text{N}$, $106^{\circ}17'04,3''\text{E}$;

AH4: $10^{\circ}15'47,9''\text{N}$, $106^{\circ}17'00,7''\text{E}$;

AH5: $10^{\circ}15'47,2''\text{N}$, $106^{\circ}16'36,7''\text{E}$.

5. Khu vực sông Cổ Chiên với phạm vi:

a) Đoạn thẳng đi qua điểm VL1 có tọa độ: $10^{\circ}15'40''\text{N}$, $105^{\circ}56'49''\text{E}$ (cách mép cầu cảng Vĩnh Long 500 mét về phía thượng lưu) và vuông góc với biên trái hành lang bảo vệ luồng sông Cổ Chiên;

b) Đoạn thẳng đi qua điểm VL2 có tọa độ: $10^{\circ}15'34''\text{N}$, $105^{\circ}57'23''\text{E}$ (cách mép cầu cảng Vĩnh Long 500 mét về phía hạ lưu) và vuông góc với biên trái hành lang bảo vệ luồng sông Cổ Chiên;

c) Biên trái hành lang bảo vệ luồng sông Cổ Chiên;

d) Đường bờ chạy từ điểm VL1 về phía hạ lưu đến điểm VL2.

6. Ranh giới tại các cửa nhánh sông, cửa rạch, cửa kênh được xác định bằng đoạn thẳng nối hai điểm bờ nhô xa nhất tại cửa tương ứng.

7. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Long quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam phát hành, bao gồm: VN300026, VN300027, VN4QCB01, VN4QCB02, VN4QCB03, VN4QCB04, VN4QCB05; VN3ĐA001, VN4HG001, VN4HG002, VN4HG003, VN4HG004, VN4HG005, VN4HG006, VN4HG007, VN4HG008, VN4HG009, VN4HG010, VN4HG011, VN4HG012, VN4HG013 được cập nhật mới nhất năm 2025; các Hải đồ của Hải quân nhân dân Việt Nam: số I-300-08 xuất bản năm 1978, số IA-100-23 và IA-100-24 xuất bản năm 2003

và Hải đồ sông Mekong sản xuất năm 2008 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam. Tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long

1. Khu vực hàng hải sông Hậu bao gồm:

a) Toàn bộ vùng nước cảng biển thành phố Cần Thơ, khu vực Duyên Hải và khu vực sông Hậu thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Long.

b) Khu Bến Lấp Vò thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp được quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư số 01/2026/TT-BXD ngày 07 tháng-01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Tháp và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh.

c) Khu vực Mỹ Thới thuộc vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh An Giang được quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 06/2026/TT-BXD ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh An Giang, tỉnh Cà Mau và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang.

2. Khu vực hàng hải Bến Tre bao gồm: khu vực sông Hàm Luông, khu vực sông Cổ Chiên và khu vực sông Tiền thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Long.

Điều 4. Khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ

Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải tại cảng biển thuộc địa phận thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long được quy định tại Điều 1; các khoản 1, 2 Điều 2 và khu vực hàng hải sông Hậu được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư số 04/2016/TT-BGTVT ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

3. Bãi bỏ số thứ tự số 22, 23 tại Phụ lục Danh mục hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải.

4. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 03/2022/TT-BGTVT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp./

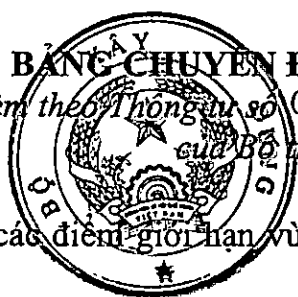
Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, CHHĐTVN (02b).

KT. BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Sang



Phụ lục

BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07 /2026/TT-BXD ngày 13 tháng 02 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố
Cần Thơ.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
ĐA1	09°21'57,7"	106°10'23,9"	09°21'54,0"	106°10'30,3"
ĐA2	09°10'14,0"	106°21'55,0"	09°10'10,4"	106°22'01,4"
ĐA3	09°16'39,0"	106°30'08,0"	09°16'35,4"	106°30'14,4"
ĐA6	09°34'56,2"	106°18'19,2"	09°34'52,6"	106°18'25,6"
MT1	10°19'32,0"	105°29'23,0"	10°19'28,35"	105°29'29,43"
MT2	10°19'35,0"	105°29'37,0"	10°19'31,35"	105°29'43,43"
MT3	10°20'08,0"	105°29'09,0"	10°20'04,35"	105°29'15,43"
MT4	10°20'19,0"	105°29'19,0"	10°20'15,35"	105°29'25,43"

2. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Long.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
ĐA4	09°26'55,8"	106°44'14,6"	09°26'52,2"	106°44'20,9"
ĐA5	09°41'25,0"	106°34'41,6"	09°41'21,4"	106°34'47,9"
VL1	10°15'40,0"	105°56'49,0"	10°15'36,0"	105°56'55,0"
VL2	10°15'34,0"	105°57'23,0"	10°15'30,0"	105°57'29,0"
TG4	10°18'18,0"	106°28'46,0"	10°18'14,0"	106°28'52,0"
TG5	10°18'24,0"	106°28'45,0"	10°18'20,0"	106°28'52,0"
TG6	10°20'40,0"	106°21'53,0"	10°20'36,0"	106°21'59,0"
TG7	10°20'32,0"	106°21'51,0"	10°20'29,0"	106°21'58,0"
CP	10°19'58,0"	106°21'51,0"	10°19'54,0"	106°21'58,0"
GH	10°17'51,0"	106°26'45,0"	10°17'48,0"	106°26'51,0"
TH1	10°18'16,0"	106°27'23,0"	10°18'13,0"	106°27'29,0"
TH2	10°18'14,0"	106°28'29,0"	10°18'11,0"	106°28'36,0"
HL1	10°12'55,0"	106°21'03,0"	10°12'51,0"	106°21'09,0"
HL2	10°12'46,0"	106°21'11,0"	10°12'42,0"	106°21'17,0"
HL3	10°12'36,0"	106°21'20,0"	10°12'32,0"	106°21'26,0"
AH1	10°16'03,2"	106°16'36,2"	10°15'59,6"	106°16'42,6"

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
AH2	10°16'04,2"	106°16'36,2"	10°16'00,5"	106°16'42,6"
AH3	10°15'47,3"	106°17'04,3"	10°15'43,7"	106°17'10,7"
AH4	10°15'47,9"	106°17'00,7"	10°15'44,3"	106°17'07,2"
AH5	10°15'47,2"	106°16'36,7"	10°15'43,6"	106°16'43,0"